TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
KHU VỰC 13- HẢI PHÒNG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **11**/2025/HNGĐ-ST	
Ngày: 09/01/2026	
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13- HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quý Long.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Duy Tuần và ông Trịnh Viết Xây.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Linh- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13- Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13- Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà An Thị Hà Trang- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13- Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 183/2025/TLST-HNGĐ ngày 08/10/2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/12/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2025/QĐST-HNGĐ ngày 30/12/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Phạm Thị L**, sinh năm 1999;

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Đội 7, thôn B, xã H, thành phố Hải Phòng. Nơi cư trú hiện nay: Nhật Bản.

Số CCCD: 030199004802.

- *Người được Chị L uỷ quyền nhận văn bản tố tụng:* Chị **Trịnh Thị L**, sinh năm 2001;

Địa chỉ: Số 88, đường Nguyễn Cao, phường Thành Đông, thành phố Hải Phòng.

- *Bị đơn:* Anh **Lê Văn H**, sinh năm 1988;

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Đội 7, thôn B, xã H, thành phố Hải Phòng. Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan (Trung Quốc).

Số CCCD: 030088003283.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà **Lê Văn Hhảo**, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Thôn B, xã H, thành phố Hải Phòng

Chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh H, bà T đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai chị Phạm Thị L trình bày: Chị và anh Lê Văn H tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương *(Nay là xã H, thành phố Hải Phòng)* vào ngày 26/7/2018 và được gia đình hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương. Thời gian đầu kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng càng về sau càng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, vì điều kiện gia đình nên chị đi lao động tại Nhật Bản, anh H đi lao động tại Đài Loan (Trung Quốc). Từ khi anh H sang Đài Loan (Trung Quốc) lao động thì mâu thuẫn vợ chồng càng trở lên nghiêm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong việc chăm sóc con, chi tiêu trong gia đình, không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không như ban đầu. Do cuộc sống vợ chồng xa cách nên không còn quan tâm, nói chuyện và không còn giữ liên lạc. Mặc dù, vợ chồng đã có nhiều biện pháp hàn gắn cũng như động viên, khuyên bảo của hai bên gia đình nhưng đều không có kết quả. Ngày 14/7/2025 chị về Việt Nam thăm gia đình và tiến hành chuẩn bị hồ sơ giấy tờ để ly hôn anh H đến ngày 15/8/2025 chị quay lại Nhật Bản tiếp tục làm việc. Nay Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, sống ly thân một thời gian dài nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Văn H để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Hải V, sinh ngày 21/11/2018. Từ ngày chị đi lao động tại Nhật Bản, anh H đi lao động tại Đài Loan

(Trung Quốc) thì cháu V được bà ngoại trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; khi ly hôn chị đề nghị giao con chung Lê Hải V cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên (tròn 18 tuổi). Trong thời gian chị không có mặt tại Việt Nam thì chị nhất trí giao con Lê Hải V cho bà Lê Thị T là mẹ đẻ của chị trực tiếp chăm sóc cho đến khi chị về nước. Chị tự nguyện không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh H tại Đài Loan (Trung Quốc) vì anh H không cho chị biết địa chỉ.

Do điều kiện công việc, chị ủy quyền cho chị Trịnh Thị L thay chị giao, nhận tài liệu tại Tòa án. Sau khi nhận được các tài liệu, chị Dương đã thông báo cho chị biết, chị vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong đơn, bản tự khai và đề nghị tòa án giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Lê Thị T (là mẹ đẻ Chị L) trình bày: Về điều kiện kết hôn, thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H có dấu hiệu quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, trong thời gian Chị L, anh H ở nước ngoài thì tình trạng mâu thuẫn vẫn không được cải thiện, hai bên vẫn không hòa giải được. Anh H hiện đang lao động tại Đài Loan (Trung Quốc), thường xuyên gọi điện về cho bà để nói chuyện với con. Anh H biết việc Tòa án thụ lý giải quyết yêu cầu xin ly hôn của Chị L. Anh H cũng đồng ý ly hôn nhưng do anh H bỏ ra ngoài làm ăn khi hết Hợp đồng lao động nên không gửi ý kiến trình bày quan điểm của anh H cho Tòa án.

Về con chung: Bà cũng xác định Chị L, anh H có 01 con chung Lê Hải V, sinh ngày 21/11/2018 như Chị L trình bày. Hiện con chung của Chị L, anh H đang do bà trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L có quan điểm đề nghị được nuôi con và nhờ bà hỗ trợ chăm sóc con trong thời gian Chị L lao động tại Nhật Bản đến khi Chị L về nước. Bà nhất trí và không yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu Vy.

Theo biên bản lấy lời khai ông Lê Văn H1 (bố đẻ anh H) trình bày: Về điều kiện kết hôn, thời gian chung sống như Chị L trình bày. Năm 2022 anh H, Chị L đi lao động tại Nhật Bản. Quá trình chung sống tại Nhật Bản thì ông không nghe thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh, chị. Năm 2024 anh H về Việt Nam và một thời gian

sau tiếp tục đi lao động tại Đài Loan còn Chị L vẫn lao động tại Nhật Bản. Hiện địa chỉ cụ thể của anh H tại Đài Loan (Trung Quốc) thì gia đình ông không biết. Anh H thỉnh thoảng gọi điện cho vợ ông là Vũ Thị D hiện đang ở tỉnh Lâm Đồng, do ông không biết sử dụng điện thoại nên anh H không liên lạc gì. Nay Chị L đề nghị Tòa án giải quyết là tự Chị L gia đình ông không biết gì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Đối với các văn bản của Tòa án giao cho ông thì ông đã trực tiếp gọi điện cho vợ là bà Vũ Thị D đang ở trong Lâm Đồng qua số điện thoại của bà Dần là 0384.286.916 để đọc nội dung các văn bản của Tòa án, sau đó bà Dần đã gọi điện thoại bằng phần mềm liên lạc Zalo hoặc Messenger cho anh H để anh H nắm được. Ông cam đoan anh H đã nắm được thông tin về việc Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, anh H cũng không có quan điểm về việc Chị L yêu cầu ly hôn, nuôi con của Chị L.

Qua xác minh tại UBND xã H, thành phố Hải Phòng nơi anh H sinh sống: Anh H, Chị L kết hôn hợp pháp. Trước khi xuất cảnh đi lao động tại Đài Loan (Trung Quốc) anh H có đăng ký HKTT tại Thôn B, xã H, thành phố Hải Phòng. Địa chỉ cụ thể của anh H tại Đài Loan (Trung Quốc) địa phương không nắm được. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn thì địa phương không nắm được. Chị L xin ly hôn anh H đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Theo đơn đề nghị của cháu Lê Hải V: Cháu có nguyện vọng ở với Chị L và trong thời gian Chị L không có mặt ở Việt Nam thì cháu Vy ở với bà Lê Thị Thảo là bà ngoại của cháu.

Tại Công văn số 3547/XNC- Đ1 ngày 05/11/2025, Phòng quản lý xuất nhập cảnh- Công an thành phố Hải Phòng xác định anh Lê Văn H, sinh ngày 28/12/1988, xuất cảnh gần nhất ngày 15/3/2022 bằng hộ chiếu số C5811738 qua cửa khẩu Nội Bài, chưa có thông tin nhập cảnh trở lại.

Đại diện VKSND khu vực 13- Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị L được ly hôn với anh Lê

Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Hải V, sinh ngày 21/11/2018 cho Chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Tạm giao cháu Vy cho bà Lê Văn Hhảo chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian Chị L ở nước ngoài đến khi Chị L về nước. Chấp nhận sự tự nguyện của Chị L, bà T về việc không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không phải giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13- Hải Phòng, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thị L và anh Lê Văn H đều có địa chỉ trước khi xuất cảnh tại Thôn B, xã H, thành phố Hải Phòng. Hiện nay, Chị L đang lao động tại Nhật Bản, anh H đang lao động tại Đài Loan (Trung Quốc). Tài liệu Chị L ủy quyền cho bà Trịnh Thị L giao nộp tài liệu: gồm đơn khởi kiện, đơn đề nghị thu thập tài liệu chứng cứ, đơn đề nghị không hòa giải, 01 giấy khai sinh của con (bản sao), đơn xin xác nhận, Đăng ký kết hôn, giấy ủy quyền, Xác nhận thông tin cư trú đến ngày 15/8/2025. Tài liệu của Chị L gửi về Việt Nam gồm bản tự khai, đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt có chứng thực của Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Osaka, Nhật Bản nên có cơ sở xác định đó là ý chí nguyện vọng của Chị L. Anh Lê Văn H là người Việt Nam hiện đang lao động tại Đài Loan (Trung Quốc) nhưng không rõ địa chỉ, tuy nhiên anh có Hộ khẩu thường trú tại Thôn B, xã H, thành phố Hải Phòng và thường xuyên liên lạc với thân nhân ở trong nước nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật Tố tụng Hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13- Hải Phòng

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Chị L không cung cấp được địa chỉ của anh H tại Đài Loan (Trung Quốc). Theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án đã yêu cầu gia đình anh H cung cấp địa chỉ, nhưng gia đình không cung cấp được mà chỉ thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh H biết bằng điện thoại, đồng thời Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Do vậy áp dụng công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục cố tình giấu địa chỉ. Tại phiên tòa lần hai, Chị L vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị L, anh Lê Văn H tự nguyện kết hôn và đã được UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương *(Nay là xã H, thành phố Hải Phòng)* vào ngày 26/7/2018, đây là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào Biên bản xác minh tại UBND xã H, thành phố Hải Phòng ngày 07/11/2025, lời khai của Chị L, lời khai của ông Lê Văn H1 (bố đẻ anh H), lời khai của bà Lê Văn Hhảo (mẹ đẻ Chị L), có căn cứ xác định trong cuộc sống hôn nhân giữa Chị L, anh H có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có sự tin tưởng nhau và thường xuyên xảy ra va chạm, không có tiếng nói chung. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh H đã được gia đình thông báo về việc Chị L xin ly hôn anh H nhưng anh H không có văn bản, tài liệu gì thể hiện quan điểm muốn vợ chồng đoàn tụ. HĐXX thấy thực tế tình trạng hôn nhân giữa Chị L, anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị L, xử cho chị Phạm Thị L ly hôn anh Lê Văn H.

[4] Về con chung: Chị Phạm Thị L và anh Lê Văn H 01 con chung là Lê Hải V, sinh ngày 21/11/2018, hiện cháu Vy đang ở với bà T (là bà ngoại của cháu). Chị L có nguyện vọng được nuôi cháu Vy, trong thời gian Chị L không có mặt tại Việt Nam chị nhất trí giao con chung cho bà Lê Văn Hhảo (mẹ đẻ Chị L) chăm sóc cho đến khi Chị L về nước; anh H không có quan điểm về việc nuôi con và cấp dưỡng cho con. Hội đồng xét xử nhận thấy trên thực tế từ ngày Chị L, anh H đi làm ăn

sinh sống ở nước ngoài cháu Vy được bà Lê Văn Hhảo chăm sóc nuôi dưỡng và nguyện vọng của cháu Vy được ở với mẹ, trong thời gian mẹ không có mặt ở Việt Nam thì cháu muốn ở với bà ngoại. Xét thấy, cả Chị L, anh H đều không đảm bảo điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Vy. Hiện nay cháu Vy đang ở cùng bà Lê Văn Hhảo (bà ngoại). Mặt khác, Chị L có nguyện vọng được nuôi cháu Vy và mẹ chị là bà Lê Văn Hhảo đồng ý chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Vy cho đến khi Chị L về nước. Do vậy, cần giao con chung Lê Hải V cho Chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên (tròn 18 tuổi) trong thời gian Chị L không có mặt tại Việt Nam tạm giao cháu Lê Hải V cho bà Lê Văn Hhảo, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi Chị L về nước. Chấp nhận sự tự nguyện của Chị L về việc không yêu cầu anh H phảo có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Anh Lê Văn H được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở theo quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra giải quyết. Anh H không có văn bản thể hiện quan điểm giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên sau này nếu anh H có yêu cầu giải quyết thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Chị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 1, 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật Tố tụng Hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn- Chị Phạm Thị L. Xử cho chị Phạm Thị L ly hôn anh Lê Văn H.

2. Về quan hệ con chung: Giao chị Phạm Thị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Lê Hải V, sinh ngày 21/11/2018 cho đến khi con thành niên (tròn 18 tuổi). Tạm giao cháu Lê Hải V cho bà Lê Văn Hhảo chăm sóc nuôi dưỡng trong thời gian Chị L không có mặt tại Việt Nam. Chấp nhận sự tự nguyện của Chị L không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng cho con.

Anh Lê Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số 0003250 ngày 08/10/2025 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị L đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Chị L, anh H đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Bà T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Bùi Quý Long

***Nơi nhận*:**

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 13- Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- UBND xã H, thành phố Hải Phòng *(Giấy CNKH số 29 ngày 26/7/2018 của UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương)*;
- Lưu HS;
- Lưu VP (HC- TP)